TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng;
2. Bà Trần Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 422/2016/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2016 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Hữu M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Vũ Hữu M chung sống với nhau từ năm 2009, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 28/10/2009. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng đến khoảng đầu năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên hành hung bà gây thương tích. Hiện ông bà đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà kiên quyết xin ly hôn với ông Vũ Hữu M.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông M một con chung tên Vũ Tiến L, sinh ngày 21/10/2010. Hiện nay con đang sống với ông bà nội (cha mẹ của ông M), bà T xin được nuôi con chung và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bà T thống nhất với những lời trình bày trước đây và đề nghị Toà án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Vũ Hữu M.

- Về con chung: Xin được nuôi con chung tên Vũ Tiến L, sinh ngày 21/10/2010 và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Vũ Hữu M trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 28/10/2009. Cuộc sống vợ chồng nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc vợ con và có hành vi bạo lực gia đình. Bản thân ông bà và gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể tìm được tiếng nói chung, nên với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông đồng ý. Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị T.

- Về con chung: Ông M và bà T có một con chung tên Vũ Tiến L, sinh ngày 21/10/2010. Hiện nay con đang sống với ông bà nội (cha mẹ ông M), ông M xin được được nuôi con chung tên Vũ Tiến L, sinh ngày 21/10/2010 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký, việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung: Giao con chung Vũ Tiến L cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, do đó giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hôn nhân. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp

về ly hôn, nuôi con nên đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn tạm trú tại: ấp Đ, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Vũ Hữu M là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 28/10/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân là do bị đơn có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc gia đình, bị đơn còn thường xuyên hành hung nguyên đơn gây thương tích do đó nguyên đơn tự nguyện nộp đơn xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn không quan tâm chăm sóc gia đình và đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[4] Tại biên bản xác minh ngày 15/3/2017 đại diện chính quyền địa phương ấp Đ, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xác nhận: Gia đình bà T, ông M thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M có hành vi hành hung bà T gây thương tích, nhưng hai bên chỉ giải quyết nội bộ gia đình, không báo chính quyền địa phương.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị T và ông Vũ Hữu M đã trầm trọng, hiện tại ông bà đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của bà T là hoàn toàn tự nguyện, ông M cũng đồng ý ly hôn với bà T nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định bà Lê Thị T và ông Vũ Hữu M có 01 người con chung tên Vũ Tiến L, sinh ngày 21/10/2010. Hiện tại con chung đang sống với ông bà nội (cha mẹ của ông M). Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều có công việc và thu nhập ổn định, nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung nhưng con chung Vũ Tiến L còn nhỏ (chưa đủ 07 tuổi) nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ nhiều hơn. Do đó để đảm bảo điều kiện phát triển về mọi mặt cho trẻ, HĐXX xét thấy giao con chung Vũ Tiến L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông M cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 51, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Vũ Hữu M về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

2. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Vũ Hữu M.

3. Về con chung: Giao con chung Vũ Tiến L, sinh ngày 21/10/2010 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Vũ Hữu M phải cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Tiến L mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, buộc ông Vũ Hữu M phải giao con chung Vũ Tiến L, sinh ngày 21/10/2010 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Vũ Hữu M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0007064 ngày 19/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Vũ Hữu M phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Khoa